

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ AN TRƯỜNG**

Số: 05/TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Trường, ngày 14 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO**

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách xã quý 4 năm 2025**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân xã An Trường công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 4 năm 2025 (kèm các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính) đề các ban, ngành và nhân dân trong xã nắm.

Giao Phòng Văn hóa – xã hội xã đăng tải các nội dung công khai lên Trang tin điện tử xã theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TT ĐU, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- UBMTTQ VN xã;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- LĐVP;
- Phòng KT xã (theo dõi);
- Lưu: VT, KT Hiền.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Á**



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV/2025	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>137.227.062,27</b>	<b>124.575.386,60</b>	<b>90,78%</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.473.000	(875.185,21)	-59,42%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.720.000	2.107.433,64	77,48%
3	Thu bổ sung	133.034.062,27	123.296.727,37	92,68%
	- Thu bổ sung cân đối	129.556.189,27	91.403.632,77	70,55%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	3.477.873	31.893.094,60	917,03%
4	Thu chuyển nguồn		46.410,80	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>137.227.062,27</b>	<b>101.050.108,69</b>	<b>73,64%</b>
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	136.217.509,27	101.049.566,69	74,18%
3	Dự phòng	675.000		0,00%
4	Tiết kiệm	328.553		0,00%
5	Vốn CTMTQG	6.000	542	9,03%

*Handwritten signature or mark*



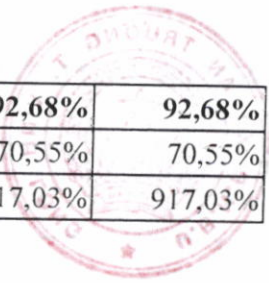
Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV/2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>137.227.062,27</b>	<b>137.227.062,27</b>	<b>128.213.947,20</b>	<b>124.575.386,60</b>	<b>93,43%</b>	<b>90,78%</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>1.473.000</b>	<b>1.473.000</b>	<b>1.762.176,34</b>	<b>(875.185,21)</b>	<b>119,63%</b>	<b>-59,42%</b>
	- Phí, lệ phí	367.000	367.000	170.242,56	97.313,06	46,39%	26,52%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	66.000	66.000	7.908,55	7.908,55	11,98%	11,98%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	710.000	710.000	183.116,40	183.116,40	25,79%	25,79%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Thu tiền sử dụng đất						
	Thu khác	330.000	330.000	1.400.908,83	(1.163.523,22)	424,52%	-352,58%
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>2.720.000</b>	<b>2.720.000</b>	<b>3.108.632,69</b>	<b>2.107.433,64</b>	<b>329,58%</b>	<b>179,29%</b>
1	Các khoản thu phân chia	2.720.000	2.720.000	3.108.632,69	2.107.433,64	329,58%	179,29%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.800.000	1.800.000	1.789.537,22	1.795.537,22	99,42%	99,75%
	- Thuế thu nhập cá nhân	650.000	650.000	1.187.006,99	159.807,94	182,62%	24,59%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.000	270.000	128.357,71	148.357,71	47,54%	54,95%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			3.730,77	3.730,77		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>			<b>46.410,80</b>	<b>46.410,80</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						

*Handwritten signature*



<b>V</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>133.034.062,27</b>	<b>133.034.062,27</b>	<b>123.296.727,37</b>	<b>123.296.727,37</b>	<b>92,68%</b>	<b>92,68%</b>
	- Thu bổ sung cân đối	129.556.189,27	129.556.189,27	91.403.633	91.403.633	70,55%	70,55%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	3.477.873	3.477.873	31.893.094,60	31.893.094,60	917,03%	917,03%

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV/2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>137.227.062,27</b>	<b>-</b>	<b>137.227.062,27</b>	<b>101.050.108,69</b>	<b>-</b>	<b>101.050.108,69</b>	<b>73,64%</b>		<b>73,64%</b>
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	103.010.062,27		103.010.062,27	82.866.351,14		82.866.351,14	80,44%		80,44%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa, thông tin	-			-					
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
6	Chi thể dục thể thao	-			-					
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	-			1.057,80		1.057,80			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.497.658		29.497.658	9.181.930,87		9.181.930,87	31,13%		31,13%
10	Chi đảm bảo xã hội	-			7.985.606,50		7.985.606,50			
11	Chi quốc phòng	1.773.500,5		1.773.500,5	310.965,06		310.965,06	17,53%		17,53%
12	Chi an ninh trật tự	1.936.288		1.936.288	641.555,32		641.555,32	33,13%		33,13%
13	Chi khác ngân sách				62.100,00		62.100,00			
14	Tiết kiệm	328.553		328.553	-					
15	Dự phòng ngân sách	675.000		675.000	-					
16	Vốn CTMTQG	6.000		6.000	542,00		542,00	9,03%		9,03%

Muu



**THUYẾT MINH**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ**  
**QUÝ IV NĂM 2025**

**I. TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025:**

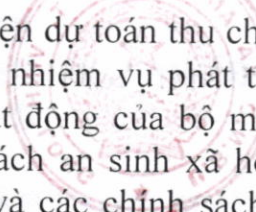
Tổng thu ngân sách địa phương quý IV/2025, số tiền 124.575.386.604 đồng 90,78% so với dự toán năm 2025, gồm:

1. Thuế giá trị gia tăng, số tiền 1.795.537.216 đồng đạt 99,75% so với dự toán giao.
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp, số tiền 148.357.713 đồng đạt 54,95% so với dự toán giao.
3. Thuế thu nhập cá nhân, số tiền 159.807.941 đồng, đạt 24,59% so với dự toán giao.
4. Lệ phí trước bạ, số tiền 183.116.403 đồng, đạt 25,79% so với dự toán giao.
5. Phí, lệ phí, số tiền 97.313.060 đồng, đạt 26,52% so với dự toán giao.
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, số tiền 7.908.547 đồng, đạt 11,98% so với dự toán giao.
7. Thu khác ngân sách, số tiền -1.163.523.218 đồng.
8. Thuế tiêu thụ đặc biệt, số tiền 3.730.770 đồng.
9. Thu bổ sung cân đối ngân sách, số tiền 91.403.632.772 đồng, đạt 70,55% so với dự toán giao.
10. Thu bổ sung có mục tiêu, số tiền 31.893.094.596 đồng, đạt 917,03% so với dự toán giao.
11. Thu chuyển nguồn, số tiền 46.410.804 đồng.

**II. TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2025:**

Tổng chi ngân sách xã quý IV/2025, số tiền 101.050.108.687 đồng đạt 73,64% so với dự toán giao, trong đó:

1. Chi giáo dục, số tiền 82.866.351.141 đồng, đạt 80,44% so với dự toán giao.
2. Chi các hoạt động kinh tế, số tiền 1.057.796 đồng.
3. Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, số tiền 9.181.930.868 đồng, đạt 31,13% so với dự toán giao.
4. Chi đảm bảo xã hội, số tiền 7.985.606.500 đồng.
5. Chi quốc phòng, số tiền 310.965.059 đồng, đạt 17,53% so với dự toán giao.
6. Chi an ninh, số tiền 641.555.323 đồng, đạt 33,13% so với dự toán giao.
7. Chi khác ngân sách (Hỗ trợ hợp tác xã), số tiền 62.100.000 đồng.
8. Chi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, số tiền 542.000 đồng, đạt 9,03% so với dự toán giao.



Nhìn chung tình hình thực hiện dự toán thu chi quý IV/2025 của xã cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước trên địa bàn, thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, các chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chính sách khác theo quy định hiện hành. Các khoản thu theo dự toán cơ bản đạt chỉ tiêu giao, bên cạnh đó có một chỉ tiêu thu khác ngân sách số tiền âm do kho bạc hạch toán điều chỉnh các khoản thu điều tiết về ngân sách cấp trên.